| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN TH**<br>**TINH LONG A** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:34/2023/DS-ST
Ngày 24-7-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng hụi"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH-TỈNH LONG A**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn H

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1.Ông Nguyễn Văn H

2.Bà Trần Thị N

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

-***Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Huỳnh Chánh T- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023; Thông báo thụ lý bổ sung số: 93A/2023/TB -TLVA ngày 19 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* ông Châu Văn Nh, sinh năm 1970 (có mặt)

Trú tại: Ấp 5, xã Tân Th, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

2.Bị đơn: ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1978 (có mặt). Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Th, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

bà Võ Thị Diệu H, sinh năm 1986 (vắng mặt). Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Th, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

3.*Người có quyên lợi, nghĩa vụ liên quan*: bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Hòa, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc H*: ông Châu Văn Nh, sinh năm 1970 (có măt). Địa chỉ: Ấp 5, xã Tân Th, huyện Tân Th, tỉnh Long A (văn bản ủy quyền ngày 24/7/2023).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai của ông Châu Văn Nh trình bày*: Năm 2018 âm lịch ông và ông Nguyễn Tấn T thỏa thuận hợp đồng góp vốn phát triển kinh tế gia đình (hợp đồng hụi), ông làm chủ hụi ông T hụi viên tham gia 05 dây hụi, ông T đã hốt 02 dây hụi 10.000.000đồng và 03 dây hụi 5.000.000đồng, trong đó có dây hụi 5.000.000đồng ngày 10/12/2019 âm lịch bà Nguyễn Thị Ngọc H (vợ ông Nh) làm chủ hụi thực hiện như sau:

-Hụi 10.000.000đồng: Dây thứ 1, mở ngày 29/10/2018 âm lịch, gồm 16 hụi viên, ông T tham gia 01 phần đã hốt và đóng trể hạn 5.000.000đồng. Dây hụi thứ 2, mở ngày 14/8/2018 âm lịch, gồm 14 hụi viên, vợ chồng ông T tham gia 01 phần đã hốt và đóng trể hạn 5.000.000đồng và đến hạn đóng hụi 10.000.000đồng, cộng 15.000.000đồng.

-Hụi 5.000.000đồng: Dây thứ 1, mở ngày 10/12/2019 âm lịch, gồm 13 hụi viên, vợ chồng ông T đã hốt đóng trể hạn 2.500.000đồng và đến hạn đóng hụi 5.000.000đồng, cộng 7.500.000đồng. Dây thứ 2, mở ngày 30/3/2020 âm lịch, gồm 16 hụi viên, vợ chồng ông T đã hốt đóng trể hạn 2.500.000đồng và đến hạn đóng hụi 5.000.000đồng, cộng 7.500.000đồng. Dây thứ 3, mở ngày 30/11/2020 âm lịch, gồm 14 hụi viên, vợ chồng ông T đã hốt đóng trể hạn 2.500.000đồng và đến hạn

đóng hụi 5.000.000đồng, cộng 7.500.000đồng.

Số tiền ông T còn nợ hụi trể hạn 17.500.000đồng và số tiền hụi đến hạn 25.000.000đồng, tổng cộng 42.500.000đồng. Đến ngày 16/5/2023 ông T trả 12.500.000đồng, còn nợ 30.000.000đồng. Nay ông yêu cầu ông T và bà Võ Thị Diệu H liên đới trả tiền hụi 30.000.000đồng.

*Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày*: Ông và bà Võ Thị Diệu H đã ly hôn ngày 25/11/2022. Khi ông và bà H còn chung sống có tham gia 05 dây hụi mùa năm 2018 âm lịch do ông Nh làm đầu thảo, trong đó có 02 dây hụi 10.000.000đồng và 03 dây hụi 5.000.000đồng. Các dây hụi này do bà H trực tiếp tham gia nên ông không biết, nhưng có biết 02 dây hụi 10.000.000đồng đã mãn, còn lại 03 dây hụi 5.000.000đồng chưa mãn, trong 05 dây hụi này bà H đã hốt xong có đóng lại cho ông Nh đến nay còn nợ 30.000.000đồng tiền hụi.

Nay ông đồng ý với bà H liên đới trả ông Nh số tiền 30.000.000đồng.

*Bị đơn bà Võ Thị Diệu H trình bày*: Trước đây bà và ông Nguyễn Tấn T là vợ chồng, hiện nay đã ly hôn. Trong thời gian còn chung sống có tham gia 05 dây hụi do ông Châu Văn Nh làm đầu thảo và đã hốt hết để lo cho gia đình và chuộc đất cho chồng. Nay ông T yêu cầu bà cùng liên đới trả nợ tiền hụi cho ông Nh thì bà không có khả năng vì trong khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết tài sản, còn phải nuôi 02 con chung, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ông T có nghĩa vụ trả ông Nh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày*: Bà yêu cầu ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H trả cho vợ chồng bà số tiền hụi trể hạn là 30.000.000đồng theo như yêu cầu của ông Châu Văn Nh.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35, 39 BLTTDS. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 BLTTDS.

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS. Riêng bị đơn vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: Từ năm 2018 âm lịch ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H lúc này còn vợ chồng tham gia 05 dây hụi (gồm 02 dây hụi 10.000.000đồng đã mãn và 03 dây hụi 5.000.000đồng chưa mãn) do ông Châu Văn Nh và bà Nguyễn Thị Ngọc H làm chủ hụi. Trong quá trình giải quyết ông Nh cung cấp ngoài danh sách 05 dây hụi còn có các biên nhận gốc có chữ ký của ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H, đến tháng 4/2023 ông T, bà H còn nợ ông Nh 30.000.000đồng. Tại phiên tòa ông T thừa nhận còn nợ ông Nh và bà H tiền hụi 30.000.000đồng, còn đối với bà H vắng mặt, nhưng trong quá trình Tòa án giải quyết bà H thừa nhận trong thời gian này còn vợ chồng và thừa nhận có tham gia 05 dây hụi để lo kinh tế gia đình và chuộc đất cho chồng, nhưng bà không đồng ý trả nợ hụi ông Nh không phù hợp, bởi xác định nợ hụi là nợ chung của bà và ông T còn tồn tại trong thời kỳ hôn nhân. Do đó ông Nh yêu cầu ông T và bà Diệu Hiền có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Nh 30.000.000đồng có cơ sở.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 147 BLTTDS; Điều 288, 471 BLDS năm 2015; Điều 27, 30, 37, 60 Luật HNGĐ; Nghị quyết số 326 quy định án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn Nh:

Buộc ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H liên đới trả cho ông Nh tiền nợ hụi 30.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông Châu Văn Nh và ông Nguyễn Tấn T thống nhất với nhau trong hợp đồng góp vốn ngày 29/02/2018 âm lịch, ngày 10/12/2019 âm lịch, ngày 30/3/2020 âm lịch và ngày 30/11/2020 âm lịch ghi tên Nguyễn Văn T (Trinh), ngoài ra các biên nhận ngày 27/12/2019 người nhận Nguyễn Văn T (Trinh) và biên nhận ngày 09/12/2020 âm lịch người nhận Nguyễn Văn Chinh chỉ là 01 người tức ông Nguyễn Tấn T, vì ông T có tên thường gọi là Ch và Tr, do đó xác định ông Nguyễn Tấn T (Ch và Tr) là bị đơn trong vụ kiện tranh chấp hụi với ông Châu Văn Nh.

[1.1] Còn đối với bà Võ Thị Diệu H, Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

[1.2] Đối với "Tranh chấp hợp đồng hụi" giữa ông Châu Văn Nh với ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H là tranh chấp dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*: Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ông Nh cung cấp cho Tòa án 05 hợp đồng hụi và các biên nhận tiền của ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H, đã thực hiện từ năm 2018 âm lịch ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H cùng với vợ chồng ông Châu Văn Nh và bà Nguyễn Thị Ngọc H thỏa thuận hợp đồng chơi hụi (hợp đồng hụi), vợ chồng ông Nh làm đầu thảo còn ông T và bà H là hụi viên, gồm các dây hụi như sau:

- Về hụi 10.000.000đồng, ông T và bà H tham gia 02 dây và mỗi dây tham gia 01 phần như: Dây thứ 1, mở ngày 29/02/2018 âm lịch, dây hụi này ông T đã hốt và đóng lại trể hạn tiền hụi 5.000.000đồng. Dây thứ 2, mở ngày 14/8/2018 âm lịch, dây hụi này ông T đã hốt nhưng trể hạn số tiền 5.000.000đồng và còn phải đóng hụi chết số tiền 10.000.000đồng.

-Về hụi 5.000.000đồng, trong đó ông T và bà H tham gia 03 dây, mỗi dây tham gia 01 phần và ông T, bà H đã hốt xong, nhưng ông T chưa đóng lại hụi chết

đến tháng 04/2023 còn nợ tiền hụi của các dây hụi như: Dây thứ 1, mở ngày 10/12/2019 âm lịch, ông T đã hốt chưa đóng hụi trể hạn và hụi đến hạn 7.500.000đồng. Dây thứ 2, mở ngày 30/3/2020 âm lịch, ông T đã hốt chưa đóng hụi trể hạn và hụi đến hạn 7.500.000đồng. Và dây thứ 3 mở ngày 30/11/2020 âm lịch, ông T đã hốt chưa đóng hụi trể hạn và hụi đến hạn 7.500.000đồng.

Như vậy tổng số tiền hụi ông T và bà H còn nợ vợ chồng ông Nh và bà H đến tháng 4/2023 số tiền 42.500.000đồng, cho đến ngày 16/5/2023 ông T trả ông Nh 12.500.000đồng, còn nợ 30.000.000đồng, tại phiên tòa hai bên ông Nh và ông T thống nhất với nhau số nợ trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về thời gian trả nợ: Tại phiên ông Nh yêu cầu trả ông T và bà H trả 01 lần tiền nợ hụi 30.000.000đồng, phía ông T thì xin trả nhiều lần nhưng ông Nh không đồng ý. Còn còn bà H (vợ ông T) thừa nhận nợ ông Nh 30.000.000đồng tiền hụi nhưng không đồng ý trả, do ly hôn bà không yêu cầu ông T chia tài sản và cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đối với 05 dây hụi gồm: 03 dây hụi 5.000.000đồng và 02 dây hụi 10.000.000đồng ông T và bà H tham gia lúc này còn tồn tại quan hệ hôn nhân vợ chồng và số tiền hốt hụi được sử dụng chung cho gia đình, ngoài ra trong Quyết định thuận tình ly hôn số 80/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2022 của Tòa án bà H và ông T không đề cập đến nợ tiền hụi của vợ chồng ông Nh và bà H, do đó buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hụi cho ông Nh là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Còn đối với dây hụi ngày 10/12/2019 âm lịch, loại hụi 5.000.000đồng do bà Nguyễn Thị Ngọc H làm chủ hụi. Xét thấy trong dây hụi này ông T và bà H tham gia 01 phần đã hốt hụi nên có nghĩa vụ đóng lại tiền hụi cho bà H, tuy nhiên dây hụi ngày 10/12/2019 âm lịch ông Nh đã khởi kiện và yêu cầu ông T và bà H có nghĩa vụ liên đới trả, do đó yêu cầu trả tiền nợ hụi của bà H là yêu cầu của ông Nh theo bản tự khai ngày 06/7/2023 của bà H, nên Hội đồng xét xử đã xem xét ông T và bà H có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi cho ông Nh là phù hợp.

[5] Về lãi suất, tại phiên tòa ông Nh đồng thời người đại diện theo ủy quyền

của bà Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu ông T và bà H trả lãi, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T và bà H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; ông Nh yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 288, 471, 288 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy đinh về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Châu Văn Nh.

1.Buộc ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H có nghĩa vụ liên đới trả ông Châu Văn Nh 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng đồng*) tiền hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: ông Nguyễn Tấn T và bà Võ Thị Diệu H phải chịu 1.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả ông Châu Văn Nh 750.000đồng tiền tạm ứng án theo biên lai thu số 0004521 ngày 26/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Th.

3.Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

***Nơi nhận:***
-*TAND tỉnh Long A*;
-*VKSND huyện Tân Th;*
-*Chi cục THADS huyện Tân Th;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn H**